

Số: 71 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc
và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP của Chính phủ xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra
cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu
tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp
trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
352/TTr-SoNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025;



Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và thay thế Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 7 Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, KTNS, KTN. *(130b)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng





QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích chuyên ngành an ninh, quốc phòng của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các hoạt động về đo đạc và bản đồ không quy định tại Quy định này thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

- Hệ thống điểm đo đạc, hệ thống bản đồ các loại, cơ sở dữ liệu liên quan đến đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải được xây dựng ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° . Riêng hệ thống điểm đo đạc địa chính, bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai sử dụng kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ và $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .
- Công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao khác trước khi sử dụng phải chuyển sang Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° . Riêng công trình đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũ trước khi sử dụng phải chuyển sang kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° ; công trình đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ phải chuyển sang kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

Điều 4. Công nghệ thành lập bản đồ

Bản đồ phải được thành lập bằng công nghệ số, sử dụng phần mềm theo quy định của các Bộ, ngành chủ quản, đảm bảo việc sử dụng, lưu trữ, cập nhật, chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 5. Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo các danh mục tại Điều 29 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ mà giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ còn thời hạn hoặc không nằm trong thời gian bị buộc nộp lại giấy phép đó.

Cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo các danh mục tại Điều 42 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP mà chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ còn thời hạn hoặc không nằm trong thời gian bị buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề đó.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc bản đồ khi hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 45 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; đồng thời thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để biết, quản lý hoặc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ được sửa đổi bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP (nếu có).

3. Các sản phẩm bản đồ địa chính đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và ký duyệt được quy định tại điểm c khoản 4 và khoản 5 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT.

Các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành khi đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Trường hợp xuất bản bản đồ phải thực hiện theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14.

Điều 6. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

1. Bản đồ địa chính

a) Các hoạt động đo đạc lập bản đồ địa chính phải thực hiện lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

b) Nội dung chính thiết kế kỹ thuật - dự toán thực hiện theo khoản 3 Điều 9 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT; nội dung chính của phương án nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

2. Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác

a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các Sở, ban, ngành và cơ quan khác làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

- Sự cần thiết;
- Cơ sở pháp lý;
- Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ;
- Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án;
- Tình hình đo đạc lập bản đồ trong phạm vi thực hiện dự án; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;
- Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án đo đạc và bản đồ của cơ quan có chức năng quản lý của địa phương và các đơn vị trực thuộc (nếu có);
- Xác định khối lượng từng hạng mục công việc;
- Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;
- Dự toán kinh phí;
- Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện;
- Đóng gói, giao nộp sản phẩm;
- Tổ chức thực hiện.

b) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác thực hiện theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án nhiệm vụ đo đạc, bản đồ. Nội dung chính của phương án nhiệm vụ bao gồm:

- Tóm tắt yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- Kinh phí thực hiện.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, gửi thiết kế kỹ thuật - dự toán tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 57 Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14; khoản 1 Điều 61 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Nhiệm vụ đo đạc bản đồ địa chính phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; trưng dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất; xử lý vi phạm pháp luật đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai và các mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước

- Chủ đầu tư gửi thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến thẩm định nội dung thiết kế kỹ thuật trong thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ, cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ tổ chức thẩm định nội dung dự toán kinh phí trong thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và điểm a khoản 8 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

2. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ đối với các dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ do các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước

a) Các dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ do các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ, cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ tổ chức thẩm định dự toán kinh phí đối với thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước và quy định về quản lý tài chính.

b) Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực để thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc, bản đồ. Kết quả thẩm định là cơ sở để phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ.

3. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

Tổ chức gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ đến cơ quan chuyên môn để thẩm định để được thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

4. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

a) Các nhiệm vụ đo đạc bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ khác do các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước thì Chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ, cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ thực hiện phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản về chuyên môn kỹ thuật của cơ quan chuyên môn và thẩm định dự toán kinh phí theo quy định.

b) Các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Quy trình kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT quy định

về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT và Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT; quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Kiểm tra và ký xác nhận sản phẩm bản đồ địa chính

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, xác nhận các sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường và bản đồ chuyên đề khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

Kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ địa chính theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP; khoản 2 Điều 16 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 23 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

Kiểm tra và xác nhận các sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc và bản đồ địa chính khác phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; trưng dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất; xử lý vi phạm pháp luật đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai và các mục đích quản lý đất đai khác.

3. Các Sở, ngành tổ chức kiểm tra, xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ được lập phục vụ yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ đơn vị đo đạc và đơn vị giám sát, kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ký xác nhận bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định, trừ trường hợp mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của cấp xã thì do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã ký xác nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP.

5. Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo danh mục quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP được kiểm tra chất

lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ nhưng không được thực hiện đồng thời kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm của cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư trong cùng 01 (một) công trình, hạng mục công trình đo đạc và bản đồ.

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo danh mục quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP được kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ nhưng không được thực hiện đồng thời kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm của cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư trong cùng 01 (một) công trình, hạng mục công trình đo đạc và bản đồ.

Điều 9. Giao nộp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường được giao nộp cho cơ quan chủ đầu tư để sử dụng ở các cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

2. Hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm bản đồ địa chính phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; trưng dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất; xử lý vi phạm pháp luật đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai và các mục đích quản lý đất đai khác được giao nộp 01 (một) bộ cho Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành do các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư được giao nộp cho cơ quan chủ đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đồng thời giao nộp 01 (một) bộ sản phẩm (dạng giấy và dạng số) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường lưu trữ, cập nhật hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.

Điều 10. Xây dựng, sử dụng, bảo vệ, di dời công trình hạ tầng đo đạc

1. Công trình hạ tầng đo đạc cơ bản hoặc công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ làm chủ đầu tư xây dựng thì việc bảo vệ, sử dụng, di dời theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 và Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

2. Công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành do các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư là mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành và trạm định vị vệ tinh chuyên ngành.

a) Xây dựng công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành

Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành theo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tổ chức, cá nhân được tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành theo quy định tại Điều 37 Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14.

c) Việc bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14.

d) Việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành

Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến về việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, các Sở, ngành có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đề cơ quan, tổ chức, cá nhân và Ủy ban nhân dân cấp xã biết.

Các Sở, ngành có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc di dời, phá dỡ các mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành bị hư hỏng; cập nhật vào hồ sơ các tài liệu liên quan đến mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành di dời, phá dỡ để quản lý.

Trường hợp thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành có trên diện tích đất dự kiến giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu di dời hoặc phá dỡ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo vệ hệ thống bản đồ, các công trình hạ tầng đo đạc cơ bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham mưu quản lý việc cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ; quản lý tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã để lưu trữ, cập nhật thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.

5. Tham gia ý kiến vào các thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành nông nghiệp và môi trường.

7. Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công, phí, lệ phí đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ được giao quản lý.

9. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

10. Hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

11. Tiếp nhận và theo dõi đối với báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, biến động bản đồ địa chính tại địa phương quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý.

2. Chịu trách nhiệm lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ chuyên ngành sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

3. Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định về đo đạc và bản đồ của Bộ, ngành chủ quản.

4. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành quản lý.

5. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

2. Quản lý, bảo vệ, ngăn chặn các hành vi xâm hại công trình hạ tầng đo đạc trên địa bàn, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định; đồng thời báo cáo các Sở, ngành khi phát hiện các hành vi xâm hại.

Kiểm tra, xem xét hiện trường mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành về tình trạng bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, công trình phải di dời hoặc hủy bỏ. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc phải xử lý, báo cáo các Sở, ngành.

3. Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ công trình hạ tầng đo đạc, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo các Sở, ngành.

Rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành có trên đất khi thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật.

4. Xử lý trường hợp không thông báo khi sử dụng công trình hạ tầng đo đạc theo quy định.

5. Kiểm tra xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các trường hợp hành nghề đo đạc và bản đồ không đúng với nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề; hành nghề đo đạc và bản đồ không có chứng chỉ hành nghề hoặc hành nghề đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề; hoạt động đo đạc và bản đồ khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn; hoạt động đo đạc và bản đồ không có giấy phép hoặc hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi không thực hiện kiểm tra, để xảy ra các hành vi vi phạm này trên địa bàn quản lý mà không xử lý hoặc không báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

6. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Quy định này.

7. Tiếp nhận, lưu trữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định để phục vụ công tác quản lý của địa phương.

8. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

9. Hàng năm báo cáo tình trạng công trình hạ tầng đo đạc được giao quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành theo quy định.

10. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

11. Phối hợp với đơn vị đo đạc, cử đại diện cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, hoặc cấp trưởng hoặc cấp phó của thôn, ấp, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người am hiểu địa bàn để hỗ trợ, hướng dẫn khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật khác có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Bảo vệ, không được làm hư hỏng, hủy hoại công trình hạ tầng đo đạc, sản phẩm đo đạc và bản đồ. Trường hợp tự ý hủy hoại công trình hạ tầng đo đạc thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

3. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

4. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước đình chỉ phát hành hoặc thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định.

5. Khi có công trình kiến trúc mới được xây dựng trên thửa đất liền kề công trình hạ tầng đo đạc làm ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng thì chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có công trình hạ tầng đo đạc phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để có biện pháp duy trì, bảo vệ. Khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng đo đạc, chủ sở hữu công trình kiến trúc phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để có biện pháp bảo vệ dấu mốc đo đạc.

6. Trường hợp phải di dời, phá dỡ mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời, phá dỡ mốc đo đạc tới các sở, ngành quản lý; cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời, phá dỡ. Việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc chỉ được thực hiện khi được sự chấp thuận của cơ quan quản lý công trình hạ tầng đo đạc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh các vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.